ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 551 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 6 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 và Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Trên cơ sở nội dung Công văn số 3431/BXD-QHKT ngày 14/5/2025 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đối với đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo kết luận số 1868-TB/TU ngày 30/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị

Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ tại Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 21/5/2025 và Công văn số 1373/UBND-KTHTĐT ngày 16/6/2025; đề xuất của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 113/BC-SXD ngày 20/6/2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045.

2. Quy mô, phạm vi nghiên cứu quy hoạch: Quy mô, phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thị xã Đức Phổ có diện tích 37.305,26 ha, giới cận như sau:

- Phía Đông: Giáp biển Đông;

- Phía Tây: Giáp huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;

- Phía Nam: Giáp thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

- Phía Bắc: Giáp các huyện Mộ Đức và Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tính chất

- Là đô thị trung tâm vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi và không gian kinh tế sinh thái biển cũng như vị trí chiến lược trên trục hành lang kinh tế Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây theo Quốc lộ 24. Là đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với nền văn hóa Sa Huỳnh gắn với sự phát triển của ngành kinh tế biển;

- Là đô thị cấp tỉnh, trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi; được quy hoạch phát triển hướng đến trở thành đô thị sinh thái, thông minh và phát triển bền vững;

- Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Quy mô dân số

- Đến năm 2030: Dân số khoảng 185.000 người;

- Đến năm 2045: Dân số khoảng 245.000 người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

Áp dụng theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng QCVN 01:2021/BXD, có xét đến các yếu tố chuyển tiếp của quá trình đô thị hóa tại địa phương và đặc thù của đô thị ven biển.

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
			Năm 2030	Năm 2045
A	**Tổng diện tích quy hoạch**	**ha**	**37.305,26**	
B	**Dân số dự báo**	**người**	**185.000**	**245.000**
C	**Các chỉ tiêu quy hoạch chính**			
1	**Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng**	**m^2/người**	**≤ 120**	**≤ 100**
1.1	Đất đơn vị ở	m^2/người	≥15	≥15
1.2	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	m^2/người	≥ 6	≥ 6
1.3	Đất công trình dịch vụ - công cộng đô thị	m^2/người	≥ 4	≥ 4
1.4	Đất giao thông	Km/km^2	6,5 - 4,0	
2	**Hạ tầng xã hội thiết yếu cấp đô thị**			
2.1	Giáo dục			
	-Trường trung học phổ thông (cấp đô thị)	hs/1000dân	≥ 40	
		m^2/hs	≥ 10	
2.2	Y tế			
	- Bệnh viện đa khoa	Giường/1000 dân	≥ 4	
		m^2/giường bệnh	≥ 100	
2.3	Văn hóa - Thể dục thể thao			
	Sân vận động	m^2/người	≥ 0,8	
		ha/công trình	≥ 2,5	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	m^2/người	≥ 0,8	
		ha/công trình	≥ 3,0	
	Nhà văn hóa	Chỗ/1000 người	≥ 8	
		ha/công trình	≥ 0,5	
2.4	Thương mại			
	Chợ đô thị	ha/công trình	≥ 1,0	
3	**Hạ tầng kỹ thuật**			
3.1	Giao thông (tính đến đường chính khu vực)	% diện tích đất xây dựng đô thị	≥ 10 (không bao gồm giao thông tĩnh)	
3.2	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người-ng.đêm	≥ 120	≥ 130

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Chỉ tiêu	
			Năm 2030	Năm 2045
3.3	Chỉ tiêu cấp điện			
	Sinh hoạt	KWh/ng.năm	≥ 750	≥ 1500
	Công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	35	35
	Chiếu sáng đường phố chính	Kw/ha	10	10
3.4	Tỉ lệ thu gom, xử lý nước thải	% nước cấp sinh hoạt	≥ 90	≥ 90
3.5	Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn	kg/người/ng.đêm	0,9 (tỷ lệ thu gom ≥ 90%)	0,9 (tỷ lệ thu gom ≥ 90%)
3.6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	≥ 0,04	≥ 0,04
3.7	Mật độ đường cống thoát nước mưa	%	100	100

5. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích	**37.305,26**	**100,0**
I	**Khu đất dân dụng**	**2.221,44**	**5,95**
1	Đơn vị ở	787,22	2,11
	- Đất đơn vị ở hiện trạng	*640,88*	
	- Đất đơn vị ở quy hoạch	*146,34*	
2	Đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vu - công cộng)	375,92	1,01
3	Đất dịch vụ công cộng	182,69	0,49
4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị	41,53	0,11
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	200,57	0,54
6	Đất giao thông đô thị	528,50	1,42
7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	105,01	0,28
II	**Khu đất ngoài dân dụng**	**3.658,89**	**9,81**
1	Đất sản xuất công nghiệp	452,40	1,21
2	Đất trung tâm đào tạo, nghiên cứu	13,68	0,04
3	Đất dịch vụ, du lịch	202,33	0,54
4	Đất trung tâm y tế	8,98	0,02
5	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	39,89	0,11
6	Đất cây xanh chuyên dụng	227,00	0,61

7	Đất di tích, tôn giáo	63,13	0,17
8	Điểm dân cư nông thôn	261,97	0,70
9	Đất an ninh	13,93	0,04
10	Đất quốc phòng	597,25	1,60
11	Đất giao thông đối ngoại	954,37	2,56
12	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	226,71	0,61
13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	597,25	1,60
III	**Khu đất nông nghiệp và chức năng khác**	**31.424,93**	**84,24**
1	Đất sản xuất nông nghiệp	13.158,65	35,27
2	Đất lâm nghiệp	15.034,94	40,30
	- Rừng phòng hộ	*3.898,06*	*10,45*
	- Rừng sản xuất	*11.136,88*	*29,85*
3	Khu vực nuôi trồng thủy sản	23,41	0,06
4	Đất chưa sử dụng (kể cả đất dự phòng)	666,77	1,79
5	Hồ, ao, đầm, sông, suối, kênh, rạch, đồng muối	2.236,87	6,00
6	Bãi cát	304,29	0,82

6. Định hướng phát triển đô thị

a) Tầm nhìn

- Xây dựng đô thị Đức Phổ trở thành đô thị hiện đại, thông minh, bền vững, mang đặc trưng của khu vực.

- Khai thác và phát huy thế mạnh của khu vực Sa Huỳnh; phát triển, hình thành hoàn chỉnh các chức năng trọng điểm để thu hút, phát triển văn hóa - du lịch, các ngành nghề đặc trưng gắn với kinh tế biển.

- Phát triển kinh tế đồng thời với phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

b) Các định hướng phát triển

- Trở thành trung tâm đầu mối kinh tế sinh thái biển Quảng Ngãi với việc đầu tư cảng cá Sa Huỳnh, Mỹ Á gắn với công nghiệp hậu cần nghề cá, trung tâm đầu mối;

- Phát triển khu vực phía Bắc thị xã Đức Phổ trở thành một trong những đầu mối, trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa kết nối vùng Tây Nguyên *(thông qua cao tốc Quảng Ngãi - Kontum)* kết nối với cao tốc Bắc - Nam, cảng biển Dung Quất, sân bay Chu Lai; Đẩy mạnh việc phát triển chế biến nông, lâm sản, thực phẩm theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, gắn với nguồn nguyên liệu địa phương, kết hợp với việc quy hoạch đồng bộ hệ thống

hạ tầng, đảm bảo thu hút được nhà đầu tư và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của khu vực Sa Huỳnh, là nơi chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, cảnh quan, du lịch và các sản phẩm địa phương *(muối, gốm, đặc sản...)*.

- Với đặc điểm đa dạng về địa hình tự nhiên và định hướng hệ thống giao thông cấp Quốc gia, Đức Phổ cần ưu tiên hình thành hệ thống khung giao thông chính, kết nối khu vực phát triển đô thị với các tuyến cao tốc, hệ thống cảng biển, các khu du lịch.

- Thiết lập hệ thống không gian cây xanh ven sông, ven đầm và hệ sinh thái nông nghiệp, núi đồi, không gian rừng ven biển để ổn định môi trường và tạo không gian chuyển tiếp hài hòa giữa các khu chức năng trong đô thị.

7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

a) Định hướng phát triển các xã thành phường

- Đến năm 2025: Phát triển các xã Phổ An, Phổ Thuận cùng với các phường Phổ Văn, Phổ Quang hiện hữu hình thành phường Trà Câu *(sau sáp nhập);* phát triển xã Phổ Châu cùng với phường Phổ Thạnh hiện hữu hình thành phường Sa Huỳnh *(sau sáp nhập);*

- Sau năm 2030: Phát triển các xã Phổ Cường, Phổ Khánh trở thành phường Khánh Cường *(sau sáp nhập).*

b) Phân vùng phát triển

Toàn đô thị Đức Phổ được phân ra làm 05 phân vùng như sau:

(1) Vùng phát triển trung tâm đầu mối, phân phối, trung chuyển hàng hóa và dịch vụ - đô thị biển *(khu vực các phường Phổ Văn, Phổ Quang, các xã Phổ Thuận, Phổ An và một phần khu vực phía Đông các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn - là phường Trà Câu và một phần phía Đông xã Nguyễn Nghiêm sau sáp nhập);*

(2) Vùng trung tâm đô thị *(khu vực các phường Nguyễn Nghiêm, Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Hòa, Phổ Vinh - là phường Đức Phổ sau sáp nhập)*;

(3) Vùng phát triển văn hóa - du lịch - kinh tế biển *(khu vực phường Phổ Thạnh và các xã Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Châu - là phường Sa Huỳnh và xã Khánh Cường sau sáp nhập);*

(4) Vùng đệm xanh *(khu vực phía Tây của các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Châu và phía Tây của các phường Phổ Ninh, Phổ Hòa, Phổ Thạnh - là khu vực phía Tây của các xã Nguyễn Nghiêm, Khánh Cường và các phường Đức Phổ, Sa Huỳnh sau sáp nhập);*

(5) Vùng ven biển.

8. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

a.1) Giải pháp san nền

- Giải pháp san nền kết hợp giữa mặt bằng tổ chức không gian và tận dụng địa hình tự nhiên để giảm khối lượng san đắp nền.

- Cao độ nền khống chế phù hợp với giao thông hạ tầng khung, các dự án đã và đang triển khai, các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và trên cơ sở cao độ nền xây dựng hiện trạng. Cao độ san nền các khu vực bám theo cao độ các tuyến đường xung quanh.

a.2) Giải pháp thoát nước mưa

- Lưu vực thoát nước mưa gồm 7 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc *(bao gồm các xã Phổ Phong, phường Phổ Văn và phường Phổ Quang),* thoát nước ra sông Thoa và cửa biển Mỹ Á.

+ Lưu vực 2: Khu vực các xã Phổ Phong và Phổ Nhơn, thoát nước ra sông Ba Liên, sông Trà Câu và cửa biển Mỹ Á.

+ Lưu vực 3: Khu vực phía Nam sông Ba Liên - Trà Câu *(bao gồm các phường Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Hòa và Nguyễn Nghiêm),* thoát nước ra sông Lò Bó, sông Trường và cửa biển Mỹ Á.

+ Lưu vực 4: Khu vực xã Phổ Cường, thoát nước ra đầm Lâm Bình.

+ Lưu vực 5: Khu vực xã Phổ Khánh, thoát nước ra đầm An Khê.

+ Lưu vực 6: Khu vực phường Phổ Thạnh, thoát nước ra đầm Nước Mặn.

+ Lưu vực 7: Khu vực xã Phổ Châu, thoát nước ra biển.

- Các trục tiêu chính gồm: sông Trà Câu, sông Thoa, sông Lò Bó, sông Trường, kết hợp với các hồ thủy lợi có tác dụng điều tiết nước mưa, chứa nước mưa như: hồ Sở Hầu, hồ An Thọ, hồ Liệt Sơn, hồ Diên Trường… và các đầm: Lâm Bình, An Khê, Nước Mặn.

a.3) Các giải pháp kỹ thuật khác

- Vùng ven sông Thoa: Tiếp tục nạo, vét, khơi thông, nắn dòng các trục tiêu trong vùng tiêu úng sông Thoa để đảm bảo tiêu úng, ổn định sản xuất cho đất sản xuất nông nghiệp và giảm ngập cho các khu dân cư trong khu vực;

- Vùng nước nổi Phổ An, Phổ Khánh: Xây dựng kênh tiêu để dẫn tiêu vào sông Thoa ra cửa biển Mỹ Á; Xây dựng kênh thoát nước chống ngập úng các xã, phường ven biển (Phổ An, Phổ Khánh, Phổ Quang, Phổ Vinh);

- Vùng đầm Lâm Bình: Nạo vét kênh tiêu từ đầm Lâm Bình đến sông Trường đảm bảo tiêu úng cho khu vực;

- Lưu vực sông Trà Câu: Nạo vét lòng dẫn tuyến chỉnh trị sông Trà Câu

từ hạ lưu đập tràn hồ chứa Núi Ngang đến cửa biển Mỹ Á; Tiếp tục thực hiện nạo vét, khơi thông dòng chảy thoát lũ của sông Trà Câu đoạn từ xã Phổ Thuận đến phường Phổ Minh;

- Củng cố và xây mới các tuyến đê kè biển để chống sạt lở bờ biển; phòng, chống xâm nhập mặn (đê Phổ Minh - Phổ Vinh giai đoạn 2);

- Đầu tư xây dựng hệ thống kênh Núi Ngang - Liệt Sơn.

b) Quy hoạch hệ thống giao thông

b.1) Đường sắt

- Đường sắt Bắc - Nam hiện trạng: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; cải tạo, nâng cấp hệ thống ga qua địa bàn thị xã gồm có 04 ga: Thạch Trụ, Đức Phổ, Thủy Thạch và Sa Huỳnh.

- Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật hướng tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đi qua khu vực thị xã.

b.2) Đường thủy: Thực hiện theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tuyến sông Trà Câu chiều dài 11km, cấp luồng là cấp V; tuyến sông Thoa - sông Trường chiều dài 32km, cấp luồng là cấp VI; tuyến Tịnh Khê - Sa Huỳnh chiều dài 60km, cấp luồng là cấp III.

- Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão: Cảng cá Sa Huỳnh được nâng cấp lên cảng cá loại I kết hợp khu neo đậu tránh trú bão; đầu tư nâng cấp, sửa chữa khu neo đậu tránh trú bão Mỹ Á và đầu tư mới cảng cá Mỹ Á loại II.

b.3) Đường bộ

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn: Quy mô: 06 làn xe.

+ Đường cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum: Điểm đầu giao với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, tại thị xã Đức Phổ; điểm cuối giao cao tốc Bắc - Nam phía Tây, đoạn Ngọc Hồi (Kon Tum) - Pleiku (Gia Lai) tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Quy mô: 04 làn xe.

+ Quốc lộ 1: Đoạn qua khu vực quy hoạch định hướng nâng cấp, cải tạo và mở rộng đảm nhận vai trò trục giao thông chính, quy mô lộ giới 20,5-55m.

+ Quốc lộ 24: Đoạn qua khu vực quy hoạch với quy mô lộ giới 27m. Quy hoạch đoạn tuyến kéo dài kết nối QL24 từ Thạch Trụ đến đường Dung Quất - Sa Huỳnh tại xã Phổ An, quy mô lộ giới từ (27,0-32,0)m.

+ Đường tỉnh ĐT.627 (tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh):

quy mô lộ giới từ (20,5-40,0)m.

+ Đường tỉnh ĐT.621D (Bình Sơn - Đức Phổ): quy mô lộ giới từ (21,0-40,0)m.

+ Đường tỉnh ĐT.627B (Bồ Đề - Mỹ Á): quy mô lộ giới từ (20,5-27,0)m

+ Đường tỉnh ĐT.627C (Quốc lộ 1 - Ba Tơ): quy mô lộ giới từ (18,5-29,0)m.

- Giao thông đối nội:

+ Đường trục chính: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến này với mặt cắt ngang đường từ 27,0m - 55,0m. Gồm hệ thống trục ngang và trục dọc như sau:

* Trục chính đô thị D1 - Vành đai phía Tây khu vực trung tâm đô thị: Điểm giao QL.24, điểm cuối giao với đường Nguyễn Nghiêm; Quy mô lộ giới 41,0m.

* Trục chính đô thị D2 - Trục trung tâm: Điểm đầu tại QL1 ranh giới phía Bắc, điểm cuối giao tuyến tránh Quốc lộ 1 ở phía Nam; Quy mô lộ giới 32,0m.

* Trục chính đô thị D3 - Vành đai phía Đông khu vực trung tâm đô thị: Điểm đầu kết nối đường trục chính đô thị Thạch Trụ, điểm cuối giao với trục chính đô thị D2; Quy mô lộ giới 55,0m.

* Trục chính đô thị D4 - vành đai phía Tây khu vực Phổ Khánh - Phổ Thạnh: Điểm đầu tuyến kết nối với trục D5, điểm cuối kết nối tuyến tránh Tây Sa Huỳnh; Quy mô lộ giới 20,5m.

* Trục chính đô thị D5 - Trục kết nối phía Đông: Điểm đầu giao với Võ Trung Thành, điểm cuối kết nối Quốc lộ 1; Quy mô lộ giới 32,0m.

* Trục chính đô thị N1: Trùng Quốc lộ 24, kéo dài tuyến về phía Đông kết nối với đường Dung Quất - Sa Huỳnh tại xã Phổ An; Quy mô lộ giới (27,0-32,0)m.

* Trục chính đô thị N2 (trùng ĐT.621D): Quy mô lộ giới (27,0-40,0)m.

* Trục chính đô thị N3 - Trục đường Lê Thánh Tôn - Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền: Quy mô lộ giới 29,0 m.

* Trục chính đô thị N4 - Trục đường Hùng Vương: Điểm đầu giao với đường Phạm Xuân Hòa, điểm cuối giao với đường Dung Quất - Sa Huỳnh. Quy mô lộ giới 41,0m.

+ Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới với mặt cắt ngang đường từ 26,0m-46,0m.

+ Đường chính khu vực, đường khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới với mặt cắt ngang đường từ 17,5m-29,5m.

+ Đường huyện: Định hướng từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện thành đường đô thị và quản lý theo lộ giới quy hoạch đường đô thị. Giai đoạn ngắn hạn nâng cấp các tuyến đường huyện hiện có lên tiêu chuẩn cấp III-IV tạo điều kiện kết nối các trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn với các tuyến đường tỉnh và đường đô thị. Nền đường từ 9,0-12m; mặt đường rộng từ 7,0-11m.

b.4) Bến xe, bãi đỗ xe

- Định hướng quy hoạch 02 bến xe: Một bến xe ở khu vực Phổ Cường, quy mô khoảng 12,3 ha và một bến xe phía Nam tại phường Phổ Thạnh, quy mô khoảng 3,4 ha.

- Bãi đỗ xe: Bố trí bãi đỗ xe cho các khu vực phát triển đô thị, đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu theo quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD là 2,5m^2/người. Vị trí và quy mô các bãi đỗ xe sẽ được cụ thể trong các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

c) Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước: Hồ Núi Ngang (bổ sung nước từ hồ Thượng Sông Vệ), sông Ba Liên - Trà Câu, hồ Liệt Sơn, hồ Diên Trường, hồ Cây Xoài, các hồ khác và nước ngầm…;

- Công trình đầu mối: Nhà máy nước Đức Phổ hiện trạng giữ nguyên công suất hiện trạng 2.000 m^3/ngày đêm; Nhà máy nước Diên Trường nâng cấp công suất lên khoảng 10.000 m^3/ngày đêm; Nhà máy nước KDC Sa Huỳnh nâng cấp công suất lên khoảng 8.000 m^3/ngày đêm; Quy hoạch mới nhà máy nước Đức Phổ công suất 15.000m^3/ngđ (GĐ1: 6.000m^3/ngđ); Nhà máy nước Phổ Phong công suất khoảng 60.000 m^3/ngày đêm; Nhà máy nước Trà Câu công suất khoảng 3.000 m^3/ngày đêm. Các trạm cấp nước nông thôn: Định hướng tiếp tục cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm cấp nước tập trung nông thôn hiện có để đảm bảo cung cấp nước cho khu vực trong giai đoạn ngắn hạn.

- Bố trí hệ thống đường ống mạch vòng D110-D800 đảm bảo cấp nước toàn khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ.

d) Quy hoạch cấp điện

- Nguồn điện: Lấy từ lưới điện Quốc gia.

- Công trình đầu mối:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp trạm biến áp Đức Phổ có công suất 25+40 MVA; cải tạo nâng cấp trạm biến áp Mộ Đức (có phân vùng huyện Mộ Đức) công suất 25+63 MVA. Xây mới trạm biến áp 110kV Phổ Minh công suất 25 MVA;

+ Định hướng đến năm 2045: nâng cấp trạm biến áp Mộ Đức công suất 2x63 MVA (có phân vùng huyện Mộ Đức). Nâng cấp trạm biến áp Phổ Minh

công suất 2x63 MVA.

- Lưới điện 220kV - 110kV: Định hướng trên địa bàn thị xã Đức Phổ có các lưới sau: Tuyến 220kV Thượng Kontum - Trạm 220kV Quảng Ngãi; tuyến 220kV từ trạm 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An); tuyến 110kV từ trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi đến trạm 110/22kV Đức Phổ; tuyến 110kV từ trạm biến áp 110kV Đức Phổ đi Tam Quan; tuyến 110kV từ trạm biến áp 110kV Mộ Đức đi Tam Quan; Quy hoạch mới tuyến 110kV đấu nối TBA 110kV Phổ Minh *(đấu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Quảng Ngãi 220kV – Đức Phổ).*

- Lưới điện 22kV: Định hướng từng bước ngầm hóa các khu vực nội thị hiện trạng khi nâng cấp, cải tạo các trục đường giao thông; các khu vực đô thị, công nghiệp và dịch vụ xây dựng mới quy hoạch đi ngầm; các khu vực công nghiệp định hướng lưới điện 22kV đi nổi.

- Chiếu sáng: Xây dựng các tuyến cáp ngầm chiếu sáng dọc theo các trục đường giao thông, kết hợp chiếu sáng trang trí trong khuôn viên các công trình và các khu chức năng của công viên. Những tuyến đường có dải phân cách ở giữa bố trí đèn chiếu sáng đôi trên dải phân cách. Những tuyến đường chính có mặt cắt đường ≥ 10,5m bố trí đèn chiếu sáng hai bên đường; đường nhánh có mặt cắt đường < 10,5m bố trí đèn chiếu sáng một bên đường.

e) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

e.1) Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến là hệ thống thoát nước riêng kết hợp nửa riêng. Nước thải sau khi được thu gom và đưa về các trạm xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn cho khu vực phát triển đô thị mới; đối với khu vực đô thị hiện trạng, xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng, tiến đến riêng hoàn toàn khi có điều kiện.

- Khu vực dân cư nông thôn riêng lẻ: Nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại riêng lẻ đúng tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung. Khi có điều kiện thực hiện thu gom đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt: Định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phân tán cho từng khu vực phát triển đô thị đảm bảo thuận lợi cho công tác thu gom và quản lý vận hành.

- Nước thải công nghiệp: Thu gom và xử lý riêng theo từng khu công nghiệp.

e.2) Quy hoạch chất thải rắn: Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn; Chất thải rắn được thu gom và đưa về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức Phổ tại xã Phổ Nhơn, quy mô 17,95 ha.

e.3) Quy hoạch nghĩa trang

Quy hoạch 04 nghĩa trang tập trung, gồm: Nghĩa trang tập trung tại xã Phổ Châu (quy mô 24,3 ha); Nghĩa trang tập trung tại xã Phổ Khánh (quy mô 41,3 ha); Nghĩa trang tập trung tại xã Phổ Cường (quy mô 29,79 ha); Nghĩa trang tập trung tại xã Phổ Phong (quy mô 25,16 ha).

Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường, định hướng từng bước khoanh vùng đóng cửa, trồng cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường, từng bước di dời về nghĩa trang tập trung.

g) Giải pháp bảo vệ môi trường

g.1) Mục tiêu tổng thể

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, suối, hồ và môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung chất thải rắn.

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp; có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho từng khu vực.

- Giảm thiểu tai biến môi trường; hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo; có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước; bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật; bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị và diện tích nông nghiệp khu vực nông thôn.

- Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng.

g.2) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên...;

- Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

g.3) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước

- Cải tạo sông hồ, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị - công nghiệp, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất của các đô thị;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu vực sông suối;

- Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

g.4) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất

- Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

- Chất thải rắn công nghiệp phải được phân loại, thu gom riêng theo tính chất từng loại hình công nghiệp.

g.5) Giải pháp về quản lý

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường;

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp khống chế hữu hiệu.

g.6) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở các khu công nghiệp, khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu;

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông suối trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu công nghiệp, khu vực dân cư đông đúc, khu vực bãi rác nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác;

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

h) Quy hoạch khu vực xây dựng công trình ngầm

- Bố trí phần ngầm tại các công trình như nhà ở cao tầng, khu thương mại - dịch vụ, công trình hỗn hợp, cơ quan hành chính để bố trí đỗ xe và các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Quy hoạch công trình ngầm đảm bảo nghiên cứu kết cấu nền móng, địa chất,... đảm bảo an toàn, không tác động xấu đến môi trường đất, nước ngầm,... đảm bảo kết nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, giao thông ra vào thuận tiện, không xung đột với mạng lưới giao thông chung khu vực.

9. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các dự án ưu tiên đầu tư

- Hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư hạ tầng các tuyến đường trục chính để hình thành bộ khung giao thông chính và thuận lợi cho việc kết nối giao thông trong khu vực và thu hút đầu tư; Đầu tư hệ thống thoát nước, khu xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang, hệ thống cấp nước và PCCC;...

- Hạ tầng xã hội:

+ Ưu tiên xây dựng các dịch vụ công cộng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, nâng cao tiện ích sống của các khu dân cư: Xây dựng các vườn hoa cây xanh, khu thể dục thể thao, các điểm sinh hoạt văn hóa; từng bước nâng cấp, xây dựng các công trình giáo dục: Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học; Cải tạo và nâng cấp các trạm y tế;

+ Kêu gọi đầu tư xã hội hóa các công viên cây xanh tập trung cấp đô thị, các công trình thương mại dịch vụ, đầu tư các điểm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái …

b) Nguồn lực đầu tư

- Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách thực hiện các chương trình, dự án xây dựng cơ bản, các dự án trọng điểm kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án tạo động lực phát triển.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng sử dụng nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp, tham gia đầu tư các dự án khu đô thị, thương mại - dịch vụ…

Điều 2. Phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045, gồm: 03 Chương, 14 Điều.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, UBND thị xã Đức Phổ theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc đô thị theo thẩm quyền.

2. Giao UBND thị xã Đức Phổ

- Tổ chức công bố công khai, cắm mốc giới quy hoạch để các tổ chức, cơ quan có liên quan và Nhân dân trong vùng quy hoạch biết, thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành liên quan rà soát các dự án, đồ án quy hoạch, quy hoạch ngành có liên quan để tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh (hoặc hủy bỏ) theo đúng quy định; tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng quy định pháp luật và đồ án được duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 482).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Phước Hiền